

DANH SÁCH
THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN LÀM VIỆC TẠI
CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ
CÔNG LẬP THUỘC UBND HUYỆN SƠN TÂY NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2025 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Tây)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Số báo danh	Đôi tượng ưu tiên	Môn dự tuyển	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm phúc khảo	Kết quả thi chính thức
		Nam	Nữ								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Mầm non										
1	Phạm Thị Thuý		19/11/2003	Hre	ST34	DTTS	Mầm non	84,9	5		89,9
2	Đinh Thị Kiệu		15/10/2003	Hre	ST17	DTTS	Mầm non	82,8	5		87,8
3	Đinh Thị Cải		07/9/2003	Ca dong	ST02	DTTS	Mầm non	82,1	5		87,1
4	Bùi Thị Thu Nguyệt		18/8/1998	Kinh	ST23		Mầm non	85,9			85,9
5	Phạm Thị Hải		19/3/1992	Hre	ST11	DTTS	Mầm non	78,4	5		83,4
6	Đinh Thị Minh Mẫn		06/10/2003	Hre	ST20	DTTS	Mầm non	78	5		83
7	Đinh Thị Diệu		28/3/2003	Hre	ST06	DTTS	Mầm non	77,3	5		82,3
8	Phạm Thị Diễm		06/7/2003	Hre	ST04	DTTS	Mầm non	75,5	5		80,5
9	Lê Thị Tường Vy		13/01/1997	Kinh	ST41		Mầm non	80,1			80,1
10	Lê Thị Thu Diệp		23/9/2001	Kinh	ST05		Mầm non	80			80
11	Nguyễn Thị Mỹ Hoa		14/01/1988	Kinh	ST12		Mầm non	79			79
12	Phạm Thị Đơn		26/4/1994	Hre	ST07	DTTS	Mầm non	74	5		79
13	Đinh Thị Trang		29/01/1995	Hre	ST38	DTTS	Mầm non	73,9	5		78,9
14	Vương Thị Kim Ly		26/10/1990	Kinh	ST18		Mầm non	78,6			78,6
15	Đinh Thị Lý		18/01/2002	Hre	ST19	DTTS	Mầm non	73,5	5		78,5
16	Lê Thị Cẩm Nguyên		02/02/2002	Kinh	ST22		Mầm non	78			78
17	Hồ Thị Thuý Tiên		06/7/1999	Kinh	ST35		Mầm non	77,9			77,9
18	Huỳnh Thị Mỹ Dung		17/7/1995	Kinh	ST09		Mầm non	77,4			77,4
19	Phạm Thị Xanh		10/5/1989	Hre	ST42	DTTS	Mầm non	68,8	5		73,8

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Số báo danh	Đổi tượng ưu tiên	Môn dự tuyển	Điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Điểm phúc khảo	Kết quả thi chính thức
		Nam	Nữ								
20	Nguyễn Thị Ngọc Trâm		02/02/2001	Kinh	ST36		Mầm non	73,5			73,5
21	Võ Thị Phong Nhã		04/6/2003	Kinh	ST28		Mầm non	70,8			70,8
22	Phạm Thị Châm		15/11/2001	Hre	ST03	DTTS	Mầm non	63,4	5		68,4
23	Phạm Thị Phụng		15/02/2001	Hre	ST30	DTTS	Mầm non	63,3	5		68,3
24	Phạm Thị Xiếp		16/5/1998	Hre	ST43	DTTS	Mầm non	62,4	5		67,4
II	Tiểu học										
1	Đinh Thị Nghệ		20/6/1997	Ca dong	ST27	DTTS	THCB	75,5	5		80,5
2	Đinh Thừa	30/9/1995		Hre	ST33	DTTS	Tin học	57,3	5		62,3
III	THCS										
1	Nguyễn Thị Minh Uyên		02/4/1999	Kinh	ST87		Vật lý	82			82
2	Lê Phúc Linh	20/7/1996		Kinh	ST60		Vật lý	75			75
3	Phạm Thị Ngọc Hậu		14/11/1998	Kinh	ST54		Vật lý	75			75
4	Lê Thị Thanh Tuyền		09/9/1999	Kinh	ST86		Vật lý	71			71
5	Nguyễn Phạm Chí Thành	01/01/1995		Kinh	ST76		Hoá học	73,8			73,8
6	Nguyễn Thanh Tiên	10/01/1988		Kinh	ST81		Hoá học	69,3			69,3
7	Bùi Ngọc Nghĩa	26/12/1998		Kinh	ST71		Tin học	52,3			52,3
8	Lê Đặng Nguyên		27/9/1992	Kinh	ST72		Anh văn	52,8			52,8
9	Trần Công Quan	26/02/1995		Kinh	ST74		Toán	62			62
10	Vương Văn Huỳnh	27/02/1992		Kinh	ST99		Thể dục	51,8			51,8
11	Nguyễn Thị Ngọc		03/02/1999	Kinh	ST103		Ngữ văn	79,4			79,4
12	Lê Thị Hương		14/5/1994	Kinh	ST98		Địa lý	68			68
13	Nguyễn Khắc Khai	18/5/2002		Kinh	ST101		Lịch sử	72,3			72,3
14	Bùi Viết Tình	17/01/1990		Kinh	ST109		Lịch sử	69,5			69,5

Danh sách có 40 thí sinh./.